SAO Y; VĂN PHÒNG; Thời gian ký: 08/11/2022 13:59:01 +07:00

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 65 /GPMT-UBND	*Thái Bình, ngày 04 tháng 11 năm 2022*

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 08 tháng 02 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp";

Xét đề nghị của Công ty TNHH Minh Long tại Văn bản số 18/ML-CV ngày 14/8/2022 về việc đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án "Đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp";

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 572/TTr-STNMT ngày 31 tháng 10 năm 2022;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Minh Long (địa chỉ: Khu Công nghiệp Tiền Hải, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án "Đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp" với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án:

1.1. Tên Dự án: Đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô D3, Khu Công nghiệp Tiền Hải, xã Đông Cơ, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình.

1.3. Giấy chứng nhận đầu tư số 2733842315 do Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh cấp ngày 31/5/2017.

1.4. Mã số thuế: 1000400419.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất các sản phẩm sứ vệ sinh, sứ dân dụng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất:

- Tổng diện tích của Dự án 10.891,2 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CE366228 do Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình cấp ngày 22/01/2018.

- Công suất thiết kế của Dự án: 300.000 sản phẩm/năm (gồm: Sản xuất sứ vệ sinh cao cấp (bệt liền khối) 180.000 sản phẩm/năm; sản xuất sứ vệ sinh thông thường, sứ dân dụng 120.000 sản phẩm/năm).

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo:

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép môi trường.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty TNHH Minh Long có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp Giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện Tiền Hải tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- BQL Khu kinh tế và các Khu công nghiệp tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- UBND huyện Tiền Hải;
- Trung tâm PV HCC tỉnh;
- Công ty TNHH Minh Long;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh Thái Bình;
- Lưu: VT, NNTNMT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lại Văn Hoàn

Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (nước thải được thu gom, xử lý, tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh với lưu lượng 6 m^3/ngày đêm (được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn, dung tích 35,57 m^3) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt công suất 10 m^3/ngày đêm để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT cột A quy định giá trị C được tái sử dụng cho công đoạn nghiền nguyên liệu trong hoạt động sản xuất.

- Nước thải sản xuất phát sinh với lưu lượng 02 m^3/ngày đêm từ quá trình rửa dụng cụ, chân tay công nhân được thu gom, tái sử dụng cho công đoạn nghiền nguyên liệu trong hoạt động sản xuất.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

Công trình xử lý nước thải sinh hoạt theo công nghệ SBR công suất thiết kế 10 m^3/ngày đêm:

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt (nước thải nhà ăn qua bể tách mỡ; nước thải nhà vệ sinh qua bể tự hoại 3 ngăn) → bể điều hòa → bể Anoxic → bể sinh học SBR → bể khử trùng → tái sử dụng cho sản xuất.

- Công suất thiết kế: 10 m^3/ngày đêm.

- Hóa chất sử dụng: NaClO liều lượng 10g/m^3 nước thải tại bể khử trùng.

- Quy mô các hạng mục xây dựng bao gồm các bể với kích thước (dài x rộng x cao (m)): Bể tách mỡ (4,1 x 2,1 x 1,1); hố gom (1 x 0,6 x 1); bể điều hòa (2,3 x 2,8 x 2); bể anoxic (1,2 x 2,8 x 2,5); bể sinh học SBR (2,05 x 2,8 x 2.5); bể khử trùng (1,2 x 2,8 x 2,5).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

a) Biện pháp phòng ngừa:

- Tuân thủ đúng các bước vận hành của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Lập sổ theo dõi, ghi chép hoạt động của hệ thống hàng ngày; ghi chép cụ thể tình trạng và các biện pháp xử lý khi xảy ra sự cố.

- Thường xuyên nạo vét bùn cặn của bể gom nước thải và hệ thống thu gom nước thải, tần suất 01 lần/tuần.

- Trang bị máy phát điện dự phòng đảm bảo hệ thống thu gom nước thải hoạt động bình thường trong trường hợp gặp sự cố mất điện.

b) Quy trình ứng phó sự cố:

- Trường hợp xảy ra sự cố vỡ đường ống thu gom nước thải, rò rỉ nước thải: Khóa van đường nước thải tại vị trí ống vỡ; thay thế đoạn ống vỡ bằng ống mới.

- Trường hợp công trình xử lý nước thải hoạt động không hiệu quả: Dừng hoạt động nhà máy và thuê đơn vị xây dựng công trình xử lý nước thải cải tạo, vận hành lại công trình xử lý nước thải.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm (nước thải được thu gom, xử lý, tuần hoàn tái sử dụng 100% cho sản xuất).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom triệt để nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án tuần hoàn tái sử dụng cho sản xuất.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải. Thường xuyên được nạo vét, duy tu, bảo dưỡng định kỳ để bảo đảm luôn trong điều kiện vận hành bình thường.

3.3. Công ty TNHH Minh Long chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thu gom, xử lý, tuần hoàn tái sử dụng 100% nước thải cho sản xuất, không xả thải ra môi trường.

Phụ lục 2

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI

VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

1. Nguồn phát sinh khí thải

1.1. Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ buồng nung.

1.2. Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ buồng sấy.

1.3. Nguồn số 03: Khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi men.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải:

2.1. Vị trí xả khí thải:

- Dòng khí thải số 01: Tương ứng với ống khói hệ thống thu gom xử lý khí thải buồng nung, tọa độ vị trí xả thải: X = 2256185,7747; Y = 606130,9866.

- Dòng khí thải số 02: Tương ứng với ống khói hệ thống thu gom xử lý khí thải buồng sấy, tọa độ vị trí xả thải: X = 2256178,6250; Y = 606127,5789.

- Dòng khí thải số 03: Tương ứng với ống khói của hệ thống thu gom xử lý bụi men, tọa độ vị trí xả thải: X = 2256180,2782; Y = 606020,5916.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3^0)

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất:

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả thải lớn nhất 3.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 02: lưu lượng xả khí thải lớn nhất 3.000 m^3/giờ.

- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 15.000 m^3/ giờ.

Tổng lưu lượng xả khí thải lớn nhất là 21.000 m^3/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải: Khí thải sau khi xử lý được xả ra môi trường qua ống khói, xả liên tục 24/24 giờ.

2.2.2. Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, cột B, giá trị C_{max} (áp dụng K_p = 0,9; K_v = 1,0), cụ thể như sau:

STT	Chất ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép	Tần suất quan trắc định kỳ	Tần suất quan trắc tự động, liên tục
I	**Nguồn số 01 (khí thải phát sinh từ buồng nung) và nguồn số 02 (khí thải phát sinh từ buồng sấy)**			Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 3 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP	Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi, khí thải tự động, liên tục theo quy định tại khoản 2 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP
1	Bụi tổng	mg/m^3	180		
2	CO	mg/m^3	900		
3	SO_2	mg/m^3	450		
4	NO_x	mg/m^3	765		
II	**Nguồn số 03 (khí thải phát sinh từ hệ thống xử lý bụi men)**				
1	Bụi tổng	mg/m^3	180		

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải:

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải:

- Nguồn số 01, 02: Bụi, khí thải phát sinh từ buồng nung, buồng sấy được thu gom vào ống khói buồng nung, ống khói buồng sấy để xả thải ra môi trường.

- Nguồn số 03: Bụi phát sinh từ buồng phun men được thu gom về buồng xử lý bụi men sau đó thu gom vào ống khói buồng phun men để xả thải ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải:

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nguồn số 01: Khí thải buồng nung → Ống khói buồng nung → Môi trường.

+ Nguồn số 02: Khí thải buồng nung → Quạt hút có biến tần điều khiển nhiệt độ → Buồng trao đổi nhiệt → buồng sấy mộc → Ống khói buồng sấy → Môi trường.

+ Nguồn số 03: Bụi từ quá trình phun men → Quạt hút có biến tần điều khiển nhiệt độ → Buồng xử lý bụi men (dập bụi bằng màng nước, phun sương) → Ống khói buồng phun men → Môi trường.

- Công suất thiết kế:

+ Buồng nung: 3.000 m^3/giờ (tương ứng dòng khí thải số 01).

+ Buồng sấy: 3.000 m^3/giờ (tương ứng dòng khí thải số 02).

+ Buồng phun men: 15.000 m^3/ giờ (tương ứng dòng khí thải số 03).

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục:

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2 Điều 98 Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ hệ thống xử lý khí thải, thiết bị thu hồi và tản nhiệt để nâng cao tuổi thọ của công trình và đảm bảo hoạt động ổn định của hệ thống.

- Lắp đặt thiết bị báo cháy và chữa cháy tự động; trang bị các dụng cụ chữa cháy, bình dập lửa bằng khí CO_2.

- Thực hiện đúng quy trình hướng dẫn vận hành buồng nung, buồng sấy, buồng phun men; thường xuyên kiểm tra để khắc phục sự cố.

- Khi các thiết bị của của hệ thống thu gom, xử lý bụi, khí thải bị hỏng hóc, ngừng hoạt động và nhanh chóng thay thế thiết bị mới; định kỳ lấy mẫu quan trắc khí thải lò nung, buồng sấy, buồng phun men để theo dõi và kiểm tra chất lượng khí thải ống khói. Trường hợp phát hiện thấy chất lượng khí thải cao hơn Quy chuẩn cho phép thì tạm ngừng hoạt động, xác định nguyên nhân và nhanh chóng khắc phục sự cố.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm.

Đã hoàn thành việc thực hiện vận hành thử nghiệm công trình xử lý khí thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra ngoài môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn nhân lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.3. Công ty TNHH Minh Long chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường.

Phụ lục 3

BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 65/GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

01 nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ khu vực nhà xưởng sản xuất chính của Dự án.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

Nhà xưởng sản xuất chính:

+ Phía Tây Bắc nhà xưởng: Tọa độ X = 2256259.6006; Y = 606069.2439.

+ Phía Đông Bắc nhà xưởng: Tọa độ X = 2256261.8841; Y = 606130.6184.

+ Phía Đông Nam nhà xưởng: Tọa độ X = 2256161.6964; Y = 606135.2558.

+ Phía Tây Nam nhà xưởng: Tọa độ X = 2256159.2571; Y = 606074.3634.

(Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105°30', múi chiếu 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung QCVN 27:2010/BTNMT; cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Xây dựng nhà xưởng bằng khung thép tiền chế, mái và xung quanh nhà xưởng được được lợp tôn cách âm, giảm thiểu sự phát tán âm thanh trong quá trình sản xuất trong nhà xưởng.

- Vận hành đúng kỹ thuật các loại máy móc, thiết bị sản xuất đảm bảo hệ thống bôi trơn và các chi tiết truyền động.

- Thường xuyên bảo dưỡng, kiểm tra định kỳ máy móc, độ mài mòn chi tiết để bôi trơn dầu mỡ, thay mới thiết bị mài mòn.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 305 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chủng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau, găng tay nhiễm thành phần nguy hại	18 02 01	14
2	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	30
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	08
4	Bao bì mềm thải	18 01 01	35
5	Hộp mực in thải	08 02 04	03
	Tổng khối lượng		**90**

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Sản phẩm hỏng, sản phẩm mộc hỏng, thải loại	6.000
2	Khuôn thạch cao thải	60.000
	Tổng khối lượng	**66.000**

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	16.425
Tổng khối lượng		**16.425**

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

- Kho lưu giữ chất thải nguy hại:

+ Diện tích 10 m^2.

+ Thiết kế, cấu tạo: Tường gạch bao kín, nền bê tông, mái fibro xi măng.

Khu vực lưu giữ chất thải nguy hại phải trang bị các dụng cụ, thiết bị, vật liệu sau: Có đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định của pháp luật về phòng cháy chữa cháy; có vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn chất thải nguy hại ở thể lỏng; có biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa phù hợp với loại chất thải nguy hại được lưu giữ theo tiêu chuẩn Việt Nam về dấu hiệu cảnh báo liên quan đến chất thải nguy hại và có kích thước tối thiểu 30 cm mỗi chiều.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Toàn bộ chất thải rắn công nghiệp thông thường của Dự án được thu gom, lưu giữ trong khu vực nhà xưởng sản xuất số 01 (kích thước dài x rộng x cao (m): 120 x 24 x 7 (m), bằng khung thép tiền chế, mái và xung quanh nhà xưởng được được lợp tôn), bố trí khu vực có diện tích 40 m^2 phục vụ lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

04 thùng nhựa chuyên dụng có nắp đậy dung tích 60 lít/thùng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6, Điều 124, Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP.

Phụ lục 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 165 /GPMT-UBND ngày 04 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Bình)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC.

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo Quyết định số 424/QĐ-UBND ngày 08/02/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án "Đầu tư dây chuyền sản xuất sứ vệ sinh cao cấp".

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2. Giảm thiểu phát sinh chất thải rắn thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất. Nước thải được quản lý để giảm khai thác, tăng cường hiệu quả sử dụng tài nguyên nước, giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

3. Tuân thủ các quy định pháp luật về an toàn giao thông, an toàn lao động, an toàn thực phẩm, phòng cháy chữa cháy.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định pháp luật.

5. Công khai giấy phép môi trường theo quy định của pháp luật./.